

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 28-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn M, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1992; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn Q1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị L1, sinh năm 1974; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 15/HSST ngày 03/10/2019 Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 53/HSST ngày 26/7/2011 Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án hình sự sơ thẩm số 07/HSST ngày 20/02/2014 Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2022 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn M: Bà Đặng Thị Minh Loan, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ4, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên sáng ngày 19/4/2022, Phạm Văn M điều khiển xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 15F1-170.30 đi lang thang trên đường tìm kiếm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, M đi đến khu vực bến thuyền Cỏ Tiều thuộc thôn Đ3, xã Đ, huyện K, thấy một số thuyền đánh cá đang neo đậu không có người trông coi. M phát hiện có một đầu dây điện ở trên thuyền của anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1986, trú tại thôn Đ4, xã Đ, huyện K, một đầu dây điện còn lại đang cắm trên cây cột điện cách thuyền anh T khoảng 05 mét. M dựng xe mô tô trên đường, đi đến cột điện, dùng tay rút rắc cắm rồi kéo dây điện trên thuyền anh T lên vị trí M đứng, sau đó cuộn lại, cầm để lên võng xe mô tô. Khi M đang chuẩn bị điều khiển xe đi tiêu thụ thì bị anh T phát hiện, bắt giữ giao cho Công an xã Đ.

Kết luận định giá tài sản số 13 ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 cuộn dây điện dài 26 mét, vỏ dây màu vàng, một đầu dây có rắc cắm màu cam, một đầu dây có ổ cắm màu cam đã qua sử dụng trị giá 643.200 đồng.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS-KT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Phạm Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, bà Bùi Thị L1 cho M mượn xe mô tô biển kiểm soát 15F1-170.30, tuy nhiên bà L1 không biết M sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với bị cáo Phạm Văn M và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Về dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Mạnh T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu, đề nghị gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ý kiến của bà Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng bào chữa cho bị cáo: Bà không tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố đối với bị cáo. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như sau: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là đối tượng thuộc hộ nghèo. Sau khi phạm tội, trong quá trình

điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị cáo bị trộm cắp được thu hồi ngay và có giá trị không lớn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

- Ý kiến của bị cáo Phạm Văn M: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn M khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản làm việc, biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10h30 phút ngày 19/4/2022 bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút trộm cắp tài sản là 01 cuộn dây điện của anh Nguyễn Mạnh T, tài sản qua định giá là 643.200 đồng. Bị cáo M là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù trị giá tài sản chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng do nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội, do vậy hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn M:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo M khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Không chấp nhận quan điểm của bà Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì khoản 3 Điều 51 Bộ luật Hình sự quy định “các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt”.

[4] Xét hành vi của bị cáo Phạm Văn M là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Mặt khác nhân thân của bị cáo rất xấu, đã bị xử phạt tù 03 lần về hành vi trộm cắp nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để cải tạo, tu dưỡng trở thành người công dân lương thiện nên cần xét xử bị cáo mức án cao trong khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy tài liệu xác minh thể hiện bị cáo Phạm Văn M thuộc diện hộ nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu, đề nghị gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn M 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2022.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Phạm Văn M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Đ, K;
- Bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang